

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 28 ngày 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 13/TTr-SXD ngày 20 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 160 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công

tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Ng*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.

am

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nghiệp
Lâm Hoàng Nghiệp



Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG TIẾP NHẬN HỒ SƠ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH SÓC TRĂNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 798 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Quyết định công bố
I.	Hoạt động xây dựng (15 TTHC)		
1	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013237.000.00.00.H51	Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng và áp dụng tại cấp huyện tỉnh Sóc Trăng.
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013217.000.00.00.H51	
3	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề của cá nhân là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư tại nước ngoài	1.013219.000.00.00.H51	
4	Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	1.013220.000.00.00.H51	
5	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	1.013221.000.00.00.H51	
6	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	1.013222.000.00.00.H51	
7	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	1.013224.000.00.00.H51	
8	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	1.013239.000.00.00.H51	
9	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	1.013234.000.00.00.H51	
10	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn	1.013236.000.00.00.H51	



	cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)		
11	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	1.013238.000.00.00.H51	
12	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	1.013230.000.00.00.H51	
13	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	1.013231.000.00.00.H51	
14	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	1.013233.000.00.00.H51	
15	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	1.013235.000.00.00.H51	



II. Lĩnh vực Nhà ở và công sở (02 TTHC)			
1	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	1.007765.000.00.00.H51	Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.
2	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	1.007750.000.00.00.H51	
III. Lĩnh vực Nhà ở (17 TTHC)			
1	Thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi công năng đối với nhà ở quy định tại điểm c khoản 1 Điều 57 của Nghị định số 95/2024/NĐ-CP	1.012877.000.00.00.H51	Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Nhà ở thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng và áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
2	Thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển đổi công năng và cho phép bán đấu giá nhà ở sinh viên hoặc nhà ở phục vụ tái định cư quy định tại điểm d khoản 1 Điều 57 của Nghị định số 95/2024/NĐ-CP	1.012878.000.00.00.H51	
3	Thủ tục thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	1.012882.000.00.00.H51	
4	Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.012883.000.00.00.H51	
5	Thủ tục thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	1.012884.000.00.00.H51	
6	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	1.012885.000.00.00.H51	
7	Thủ tục điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	1.012886.000.00.00.H51	



8	Thủ tục đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	1.012887.000.00.00.H51	
9	Thủ tục gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	1.012890.000.00.00.H51	
10	Thủ tục cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	1.012891.000.00.00.H51	
11	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	1.012892.000.00.00.H51	
12	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	1.012897.000.00.00.H51	
13	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	1.012898.000.00.00.H51	
14	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	1.012893.000.00.00.H51	
15	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	1.012894.000.00.00.H51	
16	Thủ tục thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	1.012895.000.00.00.H51	
17	Thủ tục cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	1.012896.000.00.00.H51	
IV. Lĩnh vực Đường bộ (47 TTHC)			
1	Tạm dừng lưu hành đối với xe kinh doanh vận tải thuộc các hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh vận tải		Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng
2	Trả lại phù hiệu đối với xe bị tạm giữ phù hiệu, biển hiệu đối với xe kinh doanh vận tải thuộc các hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh vận tải		
3	Xác nhận xe ô tô dùng để sát hạch của các Trung tâm đào tạo dạy nghề lái xe, hợp tác xã, doanh nghiệp		

4	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông	1.006931.000.00.00.H51	Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 14/08/2015 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
5	Gia hạn giấy phép	1.006935.000.00.00.H51	
6	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác	2.000909.000.00.00.H51	Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
7	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô	1.005024.000.00.00.H51	
8	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô	1.005021.000.00.00.H51	
9	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.010708.000.00.00.H51	Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 07/6/2024 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
10	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	2.000769.000.00.00.H51	Quyết định số 3372/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
11	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	1.000660.000.00.00.H51	Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường
12	Công bố lại bến xe khách	1.000672.000.00.00.H51	
13	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1.013061.000.00.00.H51	



14	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	1.001046.000.00.00.H51	bộ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
15	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	1.001061.000.00.00.H51	
16	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	1.000028.000.00.00.H51	
17	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1.001765.000.00.00.H51	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
18	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	1.000703.000.00.00.H51	
19	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	1.005210.000.00.00.H51	
20	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	1.001623.000.00.00.H51	
21	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1.004993.000.00.00.H51	
22	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	2.002287.000.00.00.H51	
23	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	2.002286.000.00.00.H51	
24	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	1.001751.000.00.00.H51	
25	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	2.002285.000.00.00.H51	
26	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	1.010707.000.00.00.H51	
27	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của	1.002046.000.00.00.H51	



	các nước thực hiện Hiệp định GMS		
28	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	1.001577.000.00.00.H51	
29	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	1.002063.000.00.00.H51	
30	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	1.002286.000.00.00.H51	
31	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	1.001737.000.00.00.H51	
32	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	1.013259.000.00.00.H51	
33	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	1.013260.000.00.00.H51	
34	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	1.013261.000.00.00.H51	
35	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	1.001777.000.00.00.H51	
36	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	1.001023.000.00.00.H51	
37	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	1.002856.000.00.00.H51	
38	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002877.000.00.00.H51	
39	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1.002861.000.00.00.H51	
40	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	2.002288.000.00.00.H51	
41	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện	1.002268.000.00.00.H51	



	khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		
42	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1.000314.000.00.00.H51	Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
43	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1.013274.000.00.00.H51	
44	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	1.013277.000.00.00.H51	
45	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	2.001921.000.00.00.H51	
46	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác	1.013357	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
47	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác	1.013358	
V.	Lĩnh vực Đường thủy nội địa (38 TTHC)		
1	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	1.000344.000.00.00.H51	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
2	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1.009465.000.00.00.H51	Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 Chủ tịch UBND tỉnh về việc
3	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	1.009446.000.00.00.H51	



	trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa		công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
4	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	1.009447.000.00.00.H51	
5	Công bố đóng khu neo đậu	1.009450.000.00.00.H51	
6	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	1.009460.000.00.00.H51	
7	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	1.009464.000.00.00.H51	
8	Công bố hoạt động khu neo đậu	1.009449.000.00.00.H51	
9	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	1.009459.000.00.00.H51	
10	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	1.009443.000.00.00.H51	
11	Thiết lập khu neo đậu	1.009448.000.00.00.H51	
12	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	1.009445.000.00.00.H51	
13	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009451.000.00.00.H51	
14	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	1.009462.000.00.00.H51	
15	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	1.009442.000.00.00.H51	
16	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009463.000.00.00.H51	
17	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	1.009461.000.00.00.H51	
18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	2.002001.000.00.00.H51	Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao
19	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh	2.001998.000.00.00.H51	



	doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa		thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
20	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	1.004261.000.00.00.H51	Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
21	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	1.004259.000.00.00.H51	
22	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1.009444.000.00.00.H51	Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải và áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
23	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	1.009456.000.00.00.H51	Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
24	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	1.004242.000.00.00.H51	
25	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	2.001219.000.00.00.H51	Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 09/04/2024 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
26	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	2.002615.000.00.00.H51	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành
27	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa	2.002616.000.00.00.H51	



	nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép		và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
28	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	2.002617.000.00.00.H51	
29	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930.000.00.00.H51	Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng
30	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	1.003135.000.00.00.H51	
31	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970.000.00.00.H51	
32	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002.000.00.00.H51	
33	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036.000.00.00.H51	
34	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391.000.00.00.H51	
35	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711.000.00.00.H51	
36	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047.000.00.00.H51	
37	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.000.00.00.H51	
38	Xóa đăng ký phương tiện	2.001659.000.00.00.H51	
VI. Lĩnh vực Đăng kiểm (04 TTHC)			
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001322.000.00.00.H51	Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 08/01/2025 Chủ tịch UBND tỉnh về việc



2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001296.000.00.00.H51	công bố thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
3	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013105.000.00.00.H51	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013110.000.00.00.H51	
VII. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (09 TTHC)			
1	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	1.003011.000.00.00.H51	Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.
2	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	1.002701.000.00.00.H51	
3	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	1.008432.000.00.00.H51	Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng
4	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	1.008891.000.00.00.H51	Quyết định số 2860/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.
5	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	1.008989.000.00.00.H51	
6	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	1.008990.000.00.00.H51	
7	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	1.008991.000.00.00.H51	
8	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008992.000.00.00.H51	

9	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008993.000.00.00.H51	
VIII. Lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (04 TTHC)			
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	1.011705.000.00.00.H51	Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	1.011708.000.00.00.H51	
3	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	1.011710.000.00.00.H51	
4	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	1.011711.000.00.00.H51	
IX. Lĩnh vực Hàng hải (03 TTHC)			
1	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	2.000795.000.00.00.H51	Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành



			trong lĩnh vực Hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
2	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	2.002624.000.00.00.H51	Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Hàng hải thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
3	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	2.001802.000.00.00.H51	
X. Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng (03 TTHC)			
1	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	1.009788.000.00.00.H51	Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.
2	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	1.009791.000.00.00.H51	
3	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	1.009794.000.00.00.H51	Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
XI. Lĩnh vực Du lịch (03 TTHC)			
1	Cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.008027.000.00.00.H51	Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 27/05/2024 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.
2	Cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.008028.000.00.00.H51	
3	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.008029.000.00.00.H51	



XII. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản (03 TTHC)			
1	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	1.002572.000.00.00.H51	Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 14/05/2020 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng
2	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	1.002625.000.00.00.H51	
3	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư	1.010747.000.00.00.H51	
XIII. Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng (02 TTHC)			
1	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	1.011675.000.00.00.H51	Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.
2	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	2.001116.000.00.00.H51	
XIV. Lĩnh vực Hải quan (01 TTHC)			
1	Thủ tục Xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc nhóm 98.22	1.011662.000.00.00.H51	Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Hải quan thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.
XV. Lĩnh vực Vật liệu xây dựng (01 TTHC)			
1	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	1.006871.000.00.00.H51	Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày

			14/5/2020 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.
Tổng số: 152 thủ tục.			





Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Quyết định công bố	Ghi chú
I	Lĩnh vực Đăng kiểm (08 TTHC)			
1	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	1.012875.000.00.00.H51	Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng	Các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên địa bàn tỉnh thực hiện
2	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	1.013089.000.00.00.H51	Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 08/01/2025 Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	1.013092.000.00.00.H51		
4	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	1.013097.000.00.00.H51		
5	Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013101.000.00.00.H51		
6	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	1.005103.000.00.00.H51		
7	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với	1.013206.000.00.00.H51		



	xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo			
8	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng	1.013205.000.00.00.H51		
Tổng số: 08 thủ tục.				

